

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CHU SÊ**

Số 480/TTr-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Chư Sê, ngày 14 tháng 12 năm 2021

TỜ TRÌNH

**Về việc đề nghị phê chuẩn quy định phân cấp nguồn thu,
Nhiệm vụ chi và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách
huyện – xã cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn huyện Chư Sê**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân huyện khóa X – Kỳ họp thứ Tư.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015;

Trên cơ sở số liệu thảo luận dự toán thu, chi ngân sách giữa UBND huyện Chư Sê với Sở Tài chính tỉnh Gia Lai; UBND huyện Chư Sê đã chỉ đạo phòng Tài chính - KH phối hợp với Chi Cục thuế và các ngành của huyện xây dựng quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách huyện – xã cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn huyện Chư Sê .

(Có dự thảo Nghị quyết kèm theo)

UBND huyện kính trình Hội đồng nhân dân huyện khóa X - huyện kỳ họp thứ Tư xem xét, phê chuẩn./.

Noi nhận:

- Như trên;
- Thường trực HĐND huyện;
- CT, các PCT HĐND, UBND huyện;
- Các Đại biểu HĐND huyện;
- Chánh, phó VP HĐND huyện;
- Lưu VT, các CV.



Rmah H' Bé Nét

Số: /NQ-HĐND

Chư Sê, ngày tháng năm 2021

Dự thảo

NGHỊ QUYẾT

**Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức phân bổ dự toán
chi thường xuyên ngân sách huyện - xã cho thời kỳ 2022 - 2025
trên địa bàn huyện Chư Sê**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN CHU SÊ KHÓA X
KỲ HỌP THỨ.....**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của
Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy
định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị quyết số /2021/NQ-HĐND ngày tháng năm 2021 của
Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ
chi và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho
thời kỳ 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;*

*Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày/..../2021 của Ủy ban nhân dân
huyện về việc đề nghị ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và
định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách huyện – xã cho thời kỳ
2022-2025 trên địa bàn huyện Chư Sê; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã
hội Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân
dân tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này “Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách huyện – xã cho thời kỳ 2022 - 2025 trên địa bàn huyện Chư Sê”.

Điều 2. Nguyên tắc áp dụng phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định
mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách huyện - xã cho thời kỳ
2022-2025

Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách huyện – xã cho thời kỳ 2022-2025 là cơ sở để xây dựng dự toán thu – chi ngân sách của từng cơ quan, đơn vị cấp huyện và của từng xã, thị trấn.

Định mức phân bổ chi thường xuyên được xây dựng cho các lĩnh vực chi theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, bảo đảm chi lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo chế độ và mức tiền lương cơ sở 1.490.000 đồng/tháng, hoạt động của cơ quan quản lý hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách được Nhà nước ban hành, có hiệu lực đến thời điểm ngày 01 tháng 10 năm 2021 (chưa bao gồm kinh phí phát sinh tăng thêm để thực hiện các chính sách theo tiêu chí chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 – 2025).

Định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách cấp xã mang tính chất tạo nguồn cho ngân sách xã, thị trấn; không phải là định mức chi tiêu ngân sách. Căn cứ định mức do HĐND huyện ban hành và đặc điểm, tình hình ở địa phương, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn xây dựng dự toán và phương án phân bổ ngân sách trình Hội đồng nhân dân cùng cấp phê duyệt đảm bảo phù hợp tình hình thực tế của từng lĩnh vực chi và theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Ủy ban nhân dân huyện tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thuyền Chu Sê khoá X, kỳ họp thứ thông qua ngày tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày.... tháng ... năm 20...../.

Noi nhận:

- TT HDND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- TT Huyện ủy;
- TT HDND và UBND huyện;
- UBMTTQ và các đoàn thể;
- Các phòng, ban thuộc huyện;
- TT HDND các xã, thị trấn;
- UBND các xã, thị trấn;
- Các Đại biểu HĐND huyện;
- Lưu: VT, KT, KTTH.

CHỦ TỊCH

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN CHU' SÊ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức phân bổ dự toán
chi thường xuyên ngân sách huyện, xã thời kỳ 2022- 2025**
(*Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2021/NQ-HĐND ngày tháng 12
năm 2021 của Hội đồng nhân dân huyện Chu Sê*)

CHƯƠNG I

Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa Ngân sách cấp huyện và cấp xã

Điều 1. Phân cấp nguồn thu

1. Thu từ khu vực công thương nghiệp và dịch vụ ngoài quốc doanh do chi cục thuế thu.

1.1. Thu từ doanh nghiệp ngoài quốc doanh không có vốn tham gia của Nhà nước bao gồm: kinh tế tập thể: hợp tác xã, tổ hợp tác; các doanh nghiệp ngoài quốc doanh không có vốn tham gia của Nhà nước; đơn vị sự nghiệp do cấp huyện, cấp xã quản lý.

Thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp (trừ thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại điểm a, điểm đ khoản 1 Điều 35 Luật NSNN); lệ phí môn bài; Thuế tiêu thụ đặc biệt (trừ thuế tiêu thụ đặc biệt quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 35 Luật NSNN); thuế tài nguyên: ngân sách huyện hưởng 100%.

1.2. Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh

a. Thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp (trừ thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại điểm a, điểm đ khoản 1 Điều 35 Luật NSNN)

- Thu trên địa bàn thị trấn: Ngân sách huyện hưởng 100%.

- Thu trên địa bàn các xã: Ngân sách huyện hưởng 70%, các xã hưởng 30%.

- Thu qua thanh tra, thu qua khâu lưu thông hoặc thu các đối tượng không xác định địa bàn xã, thị trấn: Ngân sách huyện hưởng 100%.

b. Lệ phí môn bài:

- Thu trên địa bàn thị trấn: Ngân sách huyện hưởng 30%, thị trấn hưởng 70%.

- Thu trên địa bàn các xã: Ngân sách xã hưởng 100%.

- Thu qua thanh tra, thu qua khâu lưu thông hoặc thu các đối tượng không xác định địa bàn xã, thị trấn: Ngân sách huyện hưởng 100%.

c. Thuế tiêu thụ đặc biệt (trừ thuế tiêu thụ đặc biệt quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 35 Luật NSNN), thuế tài nguyên (trừ thuế tài nguyên thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí)

- Thu trên địa bàn thị trấn, xã: Ngân sách thị trấn, xã hưởng 100%.

- Thu qua thanh tra, thu qua khâu lưu thông hoặc thu các đối tượng không xác định địa bàn xã, thị trấn: Ngân sách huyện hưởng 100%.

2. Thuế thu nhập cá nhân:

- Thu trên địa bàn các xã, thị trấn: Ngân sách huyện hưởng 30%, thị trấn hưởng 70%.

- Thu qua thanh tra, thu qua khâu lưu thông hoặc thu các đối tượng không xác định địa bàn xã, thị trấn: Ngân sách huyện hưởng 100%.

3. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp

- Thu trên địa bàn các xã, thị trấn: Ngân sách huyện hưởng 30%, Ngân sách xã, thị trấn hưởng 70%.

- Thu qua thanh tra, thu qua khâu lưu thông hoặc thu các đối tượng không xác định địa bàn xã, thị trấn: Ngân sách huyện hưởng 100%.

4. Thuế sử dụng đất nông nghiệp của doanh nghiệp không có vốn tham gia của nhà nước; đơn vị sự nghiệp do cấp huyện, cấp xã quản lý; hợp tác xã, hộ gia đình.

- Thu trên địa bàn các xã, thị trấn: Ngân sách huyện hưởng 30%, Ngân sách xã, thị trấn hưởng 70%.

- Thu qua thanh tra, thu qua khâu lưu thông hoặc thu các đối tượng không xác định địa bàn xã, thị trấn: Ngân sách huyện hưởng 100%.

5. Lệ phí trước bạ

- Lệ phí trước bạ (không kể lệ phí trước bạ, nhà đất): Ngân sách huyện hưởng 100%.

- Lệ phí trước bạ nhà, đất:

+ Thu trên địa bàn các xã, thị trấn: Ngân sách huyện hưởng 30%, Ngân sách xã, thị trấn hưởng 70%.

+ Thu qua thanh tra, thu qua khâu lưu thông hoặc thu các đối tượng không xác định địa bàn xã, thị trấn: Ngân sách huyện hưởng 100%.

6. Thu tiền sử dụng đất

- Thu tiền sử dụng đất dự án do ngân sách huyện đầu tư thực hiện: Ngân sách huyện hưởng 100%.

- Thu tiền sử dụng đất (không kể tiền sử dụng đất do ngân sách huyện đầu tư thực hiện):

+ Thu trên địa bàn thị trấn: Ngân sách huyện hưởng 100%.

+ Thu trên địa bàn các xã: Ngân sách huyện hưởng 20%, ngân sách xã hưởng 80%.

7. Thu tiền cho thuê đất

- Thu tiền cho thuê đất do cơ quan cấp huyện quyết định thu: Ngân sách huyện hưởng 100%.

- Thu tiền cho thuê đất do cơ quan cấp xã quyết định thu:

+ Thu trên địa bàn thị trấn: Ngân sách huyện hưởng 40%, ngân sách thị trấn 60%.

+ Thu trên địa bàn các xã: Ngân sách huyện hưởng 20%, ngân sách xã hưởng 80%.

8. Thu phạt vi phạm trật tự an toàn giao thông

- Thu phạt vi phạm trật tự an toàn giao thông do ủy ban nhân dân cấp huyện xử lý: Ngân sách huyện hưởng 100%.

- Thu phạt vi phạm trật tự an toàn giao thông do Công an xã và các lực lượng cấp xã xử lý: Ngân sách cấp xã hưởng 100%.

9. Thu từ bán tài sản nhà nước do cấp huyện quản lý; Tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước do huyện quản lý; Tiền cho thuê mặt nước do ngân sách huyện đầu tư và do cơ quan cấp huyện quản lý; Tiền cho thuê nhà, thuê quầy bán hàng do cơ quan cấp huyện quản lý; Thu phí và lệ phí (phần nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật) của các đơn vị do cấp huyện quản lý; Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu nhà nước do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc huyện xử lý; Thu sự nghiệp, các khoản thu khác ngân sách của các đơn vị do cấp huyện quản lý theo quy định của pháp luật; Thu tiền xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu do các cơ quan cấp huyện (kể cả Hạt kiểm lâm) xử lý; Thu huy động đóng góp, thu viện trợ do cơ quan cấp huyện quản lý thực hiện, Thu bổ sung ngân sách cấp huyện, thu kết dư ngân sách cấp huyện năm trước, thu chuyển nguồn của ngân sách cấp huyện từ năm trước chuyển sang; Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên: Ngân sách huyện hưởng 100%.

10. Thu từ bán tài sản nhà nước do cấp xã quản lý; Tiền cho thuê mặt nước do cấp xã quản lý; Tiền cho thuê nhà, thuê quầy bán hàng do cấp xã quản lý; Thu phí và lệ phí (phần nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật) của các bộ phận do cấp xã quản lý; Thu đấu thầu, thu khoán theo mùa vụ từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác theo quy định của pháp luật do cấp xã quản lý; Thu sự nghiệp, các khoản thu khác ngân sách của cấp xã quản lý theo quy định của pháp luật; Tiền thu phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do cấp xã xử lý; Thu huy động đóng góp, thu viện trợ do cấp xã quản lý thực hiện, Thu bổ sung ngân sách cấp xã, thu kết dư ngân sách cấp xã năm trước, thu chuyển nguồn của ngân sách cấp xã từ năm trước chuyển sang: Ngân sách cấp xã hưởng 100%.

Tỷ lệ (%) phân chia nguồn thu giữa ngân sách cấp huyện với ngân sách cấp xã theo bảng đính kèm.

Điều 2: Phân cấp nhiệm vụ chi giữa ngân sách cấp huyện và ngân sách cấp xã

1. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp huyện:

1.1. Chi đầu tư phát triển:

a. Đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng do cấp huyện, cấp xã quản lý (trừ các công trình đã được phân cấp chi cho Ngân sách cấp xã):

- Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa lớn giao thông đô thị, điện chiếu sáng, hệ thống cấp thoát nước, vỉa hè theo phân cấp quản lý (trừ các tuyến đường thuộc các dự án trọng điểm do ngân sách cấp tỉnh đầu tư);

- Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa lớn các công trình vệ sinh công cộng, hệ thống nước sinh hoạt, công trình bảo vệ môi trường; công viên, khu vui chơi giải trí và các công trình phúc lợi công cộng khác;

- Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa lớn trụ sở xã, trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trạm y tế (trừ xây mới);

- Hỗ trợ đầu tư xây dựng trụ sở hoặc nơi làm việc, sinh hoạt của Công an xã theo khả năng của ngân sách cấp huyện;

- Hỗ trợ xây dựng trại tạm giam, nhà tạm giữ theo khả năng của ngân sách cấp huyện;

- Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa trụ sở, cơ sở làm việc, trang thiết bị chuyên môn các cơ quan thuộc huyện;

- Xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa lớn đường giao thông, đường điện, công trình thủy lợi theo phân cấp quản lý;

- Đầu tư xây dựng thao trường bắn của huyện;

- Sự nghiệp nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, lâm nghiệp, thủy lợi, ..., kinh phí hỗ trợ địa phương sản xuất lúa theo Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/04/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa và Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 17/07/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP 13/04/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

- Ủy thác về ngân hàng chính sách xã hội theo Chỉ thị số 40-CT/TW ngày 22/11/2014 của Ban bí thư TW đảng.

b. Chi chương trình mục tiêu quốc gia và chương trình mục tiêu theo phân cấp của tỉnh.

c. Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trích lập quỹ Phát triển đất; chi hỗ trợ chương trình kiên cố hóa hạ tầng giao thông và kênh mương.

d. Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo qui định của pháp luật.

1.2. Chi thường xuyên:

a. Chi hoạt động kinh tế:

- Sự nghiệp nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, lâm nghiệp, thủy lợi, chi hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi; công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến công; bảo vệ và phát triển đất trồng lúa; kinh phí hỗ trợ địa phương sản xuất lúa NĐ35; phòng chống thiên tai, khắc phục hậu quả;

- Sự nghiệp giao thông: duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa các công trình giao thông, cầu đường (trừ quốc lộ, tỉnh lộ), bến xe do cấp huyện, cấp xã quản lý;

- Sự nghiệp thị chính, chỉnh trang đô thị: duy tu, bảo dưỡng hệ thống đèn chiếu sáng, vỉa hè, hệ thống thoát nước, giao thông nội thị, công viên, cây xanh, vệ sinh đô thị và các sự nghiệp thị chính khác;

- Lập, thẩm định, công bố và điều chỉnh quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành do cấp huyện quản lý;

- Đo đạc lập bản đồ địa chính, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

- Duy tu, bảo dưỡng công trình phúc lợi công cộng; bảo vệ, duy trì các thương hiệu trên địa bàn tỉnh và chi hoạt động kinh tế khác theo quy định của pháp luật.

b. Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường:

- Quản lý các công trình vệ sinh công cộng; trang bị thiết bị, phương tiện thu gom rác thải sinh hoạt, vệ sinh môi trường ở khu dân cư, nơi công cộng;

- Xử lý chất thải, xử lý chất thải nguy hại, xử lý, chôn lấp chất thải;

- Hoạt động quản lý về bảo vệ môi trường theo nhiệm vụ được phân cấp cho cấp huyện;

- Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về môi trường; đào tạo, tập huấn chuyên môn, quản lý về bảo vệ môi trường; khen thưởng việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường;

- Quản lý công trình vệ sinh công cộng; Trang bị thiết bị, phương tiện thu gom rác thải sinh hoạt, vệ sinh môi trường ở khu dân cư, nơi công cộng; Phương tiện tưới nước cây xanh, thảm cỏ đô thị.

- Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật.

c. Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề:

- Hoạt động giáo dục mầm non (nhà trẻ, mẫu giáo), tiểu học, trung học cơ sở (kể cả dân tộc nội trú, bán trú, bồi túc văn hóa);

- Công tác xóa mù, phổ cập tiểu học, phổ cập trung học cơ sở;

- Đào tạo và bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị, dạy nghề tại các cơ sở thuộc huyện quản lý;

- Đào tạo lại cán bộ, công chức thuộc biên chế cấp huyện, cấp xã, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; hoạt động đào tạo, bồi dưỡng tại các cơ sở thuộc huyện quản lý;

- Chính sách phát triển giáo dục mầm non theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ; chính sách giáo dục đối với người khuyết tật theo quy định tại Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 của liên Bộ: Giáo dục & Đào tạo - Lao động Thương binh & Xã hội - Tài chính; hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục Đại học theo Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ; kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ; kinh phí thực hiện chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp theo Quyết định

số 53/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; Nghị định 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh; hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định tại 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ cho các trường do cấp huyện quản lý;

- Các sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề khác theo quy định của pháp luật.

d. Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ: chi nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật (không có nhiệm vụ chi các đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ).

đ. Chi sự nghiệp văn hóa - thông tin (kể cả chi triển khai, sơ kết, tổng kết, khen thưởng và các nội dung hoạt động khác của Cuộc vận động “toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”); bảo tồn, phát triển văn hóa phi vật thể cồng chiêng Tây Nguyên (mua sắm, tập huấn, dạy đánh cồng chiêng...); hoạt động sự nghiệp thể dục thể thao do cấp huyện quản lý.

e. Chi sự nghiệp Phát thanh, truyền hình: bao gồm mua sắm, sửa chữa, chi cho công tác nghiệp vụ cho Đài Phát thanh và Truyền hình; trạm phát lại truyền hình vùng lõm các huyện. Chi sự nghiệp Phát thanh, truyền hình khác theo quy định của pháp luật.

f. Chi đảm bảo xã hội:

- Trợ cấp đối tượng xã hội cộng đồng, đối tượng nhận nuôi dưỡng trẻ em mồ côi;

- Chi cho các đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định 20/2021/NĐ-CP ngày 15/03/2021 của Chính phủ của các đối tượng do huyện quản lý;

- Cứu đói, cứu trợ, cứu tế xã hội thường xuyên và đột xuất;

- Công tác quản lý Nghĩa trang, Đài tưởng niệm;

- Hỗ trợ đối tượng chính sách (thăm hỏi, sửa chữa nhà v.v...);

- Chi đảm bảo xã hội khác theo quy định của pháp luật.

g. Chi quốc phòng:

- Hội nghị, tập huấn nghiệp vụ và báo cáo công tác quốc phòng do cấp huyện tổ chức;

- Xây dựng và huy động lực lượng dự bị động viên thuộc nhiệm vụ chi của cấp huyện;

- Tổ chức và hoạt động của lực lượng dân quân tự vệ do cấp huyện thực hiện theo Đề án số 2328/ĐA-UBND ngày 18/11/2020 của UBND tỉnh đã được Hội đồng nhân dân tỉnh phê chuẩn tại Nghị quyết 285/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 V/v phê chuẩn Đề án tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động và đảm bảo chế độ, chính sách cho dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021 - 2025.

- Chế độ và hoạt động của Tiểu đội dân quân thường trực.

- Đảm bảo vật chất hậu cần cho dân quân thường trực theo quy định tại khoản 5, Điều 12, Nghị định 72/2020/NĐ-CP ngày 30/06/2020 của Chính phủ.
 - Đảm bảo chế độ, chính sách đối với sĩ quan dự bị;
 - Công tác phòng không nhân dân, quân báo nhân dân thuộc nhiệm vụ chi của cấp huyện thực hiện;
 - Thực hiện nhiệm vụ hậu cần tại chỗ, hậu phương quân đội và chính sách đối với lực lượng vũ trang nhân dân ở địa phương do cấp huyện thực hiện;
 - Tổ chức thực hiện Luật Nghĩa vụ quân sự, công tác tuyển quân, ra quân; đảm bảo chế độ, chính sách của công dân trong thời gian đăng ký khám, kiểm tra sức khỏe nghĩa vụ quân sự;
 - Công tác giáo dục quốc phòng, huấn luyện quân nhân dự bị, dân quân tự vệ do cấp huyện thực hiện;
 - Hỗ trợ quân sự, công tác quân sự địa phương ở cơ sở;
 - Hỗ trợ xây dựng, sửa chữa các công trình chiến đấu, phục vụ chiến đấu, doanh trại, kho tàng của các cơ quan quân sự cấp huyện theo khả năng của ngân sách cấp huyện;
 - Hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ chi thuộc lĩnh vực quốc phòng của ngân sách Trung ương theo khả năng cân đối của ngân sách cấp huyện được quy định tại Điều 12 Nghị định số 165/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ về Quy định quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh cho cơ quan quân sự, các đồn Biên phòng và các đơn vị quân đội chủ lực khác của huyện
 - Diễn tập và hội thao quốc phòng do cấp huyện thực hiện
 - Thực hiện công tác đối ngoại, hợp tác quốc tế do cơ quan cấp huyện thực hiện.
 - Chi quốc phòng khác theo quy định của pháp luật.
- h. Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội:
- Phòng chống tham nhũng, chống buôn lậu, gian lận thương mại do cấp huyện thực hiện;
 - Chi công tác phòng cháy, chữa cháy (trừ công tác phòng cháy chữa cháy do Công an tỉnh thực hiện);
 - Chi phòng chống tội phạm, phòng chống tệ nạn xã hội; phòng, chống ma túy do cơ quan cấp huyện thực hiện;
 - Công tác an toàn giao thông do các cơ quan cấp huyện thực hiện;
 - Thực hiện công tác quản lý và bảo vệ biên giới do các cơ quan cấp huyện thực hiện;
 - Sơ kết, tổng kết, khen thưởng đơn vị, tổ chức, cá nhân có thành tích trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc;

- Chi cho người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc theo Quyết định số 18/2011/QĐ-TTg ngày 18/03/2011 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 56/2013/QĐ-TTg ngày 07/10/2010 của Thủ tướng Chính phủ;

- Hỗ trợ an ninh trật tự ở cơ sở.

- Hỗ trợ trang thiết bị, phương tiện, các điều kiện bảo đảm khác phục vụ cho hoạt động của lực lượng Công an xã.

- Hỗ trợ đầu tư xây dựng, cải tạo, và sửa chữa trụ sở làm việc, trại tạm giam, nhà tạm giữ, mua sắm trang thiết bị, phương tiện nghiệp vụ, trang thiết bị phòng cháy và cứu hộ, cứu nạn cho cơ quan Công an cấp huyện theo khả năng của ngân sách cấp huyện;

- Tổ chức diễn tập, phòng chống khủng bố, cứu hộ, cứu nạn, phòng cháy, chữa cháy và hội thao phòng cháy, chữa cháy do cơ quan cấp huyện thực hiện theo Kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Hỗ trợ các nhiệm vụ tham gia khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh và các nhiệm vụ bảo đảm an ninh, quốc phòng đột xuất cho cơ quan Công an cấp huyện theo khả năng của ngân sách cấp huyện;

- Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội khác theo quy định của pháp luật.

i. Hoạt động của Hội đồng nhân dân và các cơ quan nhà nước cấp huyện.

k. Hoạt động của cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam cấp huyện; hỗ trợ kinh phí cho các tổ chức, cơ sở Đảng trong các doanh nghiệp không có vốn tham gia của nhà nước, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp.

l. Hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện.

m. Hỗ trợ cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp ở cấp huyện đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ của nhà nước và hỗ trợ các cơ quan, đơn vị cấp trên có tham gia thực hiện những nhiệm vụ của địa phương theo khả năng ngân sách của cấp huyện.

n. Chi tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, rà soát văn bản qui phạm pháp luật do các cơ quan cấp huyện thực hiện.

o. Hoạt động của các trung tâm cụm xã trên địa bàn.

p. Thực hiện các nhiệm vụ chi được ngân sách cấp tỉnh bổ sung có mục tiêu (Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới, kinh phí phòng chống thiên tai, khắc phục hậu quả lũ lụt, phòng chống dịch bệnh đối với cây trồng, vật nuôi và các khoản bổ sung có mục tiêu khác).

q. Chi bổ sung cho ngân sách cấp xã.

r. Chi chuyển nguồn từ ngân sách năm trước sang ngân sách năm sau.

s. Chi cho các nhiệm vụ đối ngoại với nước bạn.

t. Chi ứng dụng công nghệ thông tin, cải cách hành chính.

u. Các khoản chi thường xuyên khác theo qui định của pháp luật.

2. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã:

2.1. Chi đầu tư phát triển:

a. Đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng do cấp xã quản lý:

- Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa lớn đường giao thông nội bộ (đường liên thôn, làng, đường hẻm);

- Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa lớn các công trình phúc lợi công cộng do cấp xã quản lý;

- Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa lớn trụ sở, trường mầm non, phòng họp, nhà sinh hoạt cộng đồng ở thôn, làng, tổ dân phố, công trình thủy lợi nhỏ, công trình nước tự chảy do Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phù hợp với khả năng quản lý của từng xã; Quy hoạch để đảm bảo theo quy định tại Luật Quy hoạch;

- Chi Chương trình mục tiêu quốc gia và chương trình mục tiêu theo phân cấp.

b) Các khoản chi đầu tư từ các nguồn vốn do nhân dân đóng góp và các khoản chi đầu tư khác theo qui định của pháp luật.

2.2. Chi thường xuyên:

a. Hoạt động của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã.

b. Hoạt động của các tổ chức cơ sở Đảng Cộng sản Việt Nam cấp xã.

c. Hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã; hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân; hỗ trợ các hội, đoàn thể xã hội ở cấp xã theo qui định.

d. Chế độ tiền lương, phụ cấp cho cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách cấp xã và phụ cấp cho người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố theo qui định của trung ương và địa phương.

e. Chi đảm bảo hoạt động thường xuyên, duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa các công trình giao thông, thủy lợi, công trình phúc lợi công cộng do xã quản lý.

f. Hoạt động quản lý về bảo vệ môi trường theo nhiệm vụ được Ủy ban nhân dân cấp huyện phân cấp cho cấp xã.

g. Chi tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; tủ sách pháp luật, hoạt động hòa giải ở cơ sở.

h. Hoạt động của Trung tâm học tập cộng đồng tại xã, phường, thị trấn. Hỗ trợ các hoạt động giáo dục (nhà trẻ, mẫu giáo, bồi túc văn hóa, xóa mù chữ và phổ cập giáo dục...).

i. Đào tạo lại cán bộ, công chức cấp xã và cán bộ cơ sở theo nhiệm vụ được phân cấp.

j. Phụ cấp và kinh phí hoạt động cho cán bộ y tế thôn, buôn, làng, tổ dân phố. Hỗ trợ công tác y tế, dân số, kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc trẻ em.

k. Hoạt động sự nghiệp văn hóa thông tin (kể cả thực hiện Cuộc vận động “toute dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”), thể dục thể thao, truyền thanh do cấp xã quản lý.

l. Hỗ trợ đối tượng chính sách; cứu đói, cứu trợ, cứu tế xã hội thường xuyên và đột xuất; trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc trước năm 1998.

m. Chi quốc phòng và dân quân tự vệ do cấp xã thực hiện:

- Huấn luyện, diễn tập, hoạt động thường xuyên của lực lượng dân quân tự vệ;

- Tổ chức thực hiện Luật Nghĩa vụ quân sự, công tác tuyển quân; đảm bảo chế độ, chính sách của công dân trong thời gian đăng ký khám, kiểm tra sức khỏe nghĩa vụ quân sự;

- Công tác giáo dục quốc phòng do cấp xã thực hiện;

- Đảm bảo chế độ, chính sách đối với lực lượng dân quân tự vệ;

- Xây dựng và huy động lực lượng dự bị động viên thuộc nhiệm vụ chi của cấp xã;

- Các nhiệm vụ khác thuộc nhiệm vụ chi quốc phòng thuộc nhiệm vụ của cấp xã theo quy định của pháp luật.

n. Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội:

- Chi đảm bảo hoạt động của Công an xã, bảo vệ dân phố, Tổ tự quản an toàn giao thông, công tác an ninh cơ sở, an ninh nông thôn;

- Chi đảm bảo an toàn giao thông, phòng chống tội phạm, phòng chống tệ nạn xã hội do cấp xã thực hiện;

- Thực hiện công tác quản lý và bảo vệ biên giới do cấp xã thực hiện;

- Sơ kết, tổng kết, khen thưởng đơn vị, tổ chức, cá nhân có thành tích trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc;

- Công tác quản lý, giáo dục đối tượng vi phạm pháp luật, người chấp hành án phạt khác tại xã, phường, thị trấn;

- Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội khác theo quy định của pháp luật.

o. Hỗ trợ hoạt động của các trung tâm cụm xã trên địa bàn

p. Thực hiện nhiệm vụ chi được ngân sách cấp huyện bổ sung có mục tiêu (Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới, kinh phí phòng chống thiên tai, khắc phục hậu quả lũ lụt, phòng chống dịch bệnh đối với cây trồng, vật nuôi và các khoản bổ sung có mục tiêu khác).

q. Chi chuyển nguồn từ ngân sách năm trước sang ngân sách năm sau.

r. Hỗ trợ các cơ quan, đơn vị cấp trên có tham gia thực hiện những nhiệm vụ của địa phương theo khả năng ngân sách của cấp xã.

s. Chi ứng dụng công nghệ thông tin, cải cách hành chính.

t. Các khoản chi thường xuyên khác theo qui định của pháp luật.

CHƯƠNG II

ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN

Điều 3. Những quy định chung

1. Về tiêu chí phân bổ:

1.1. Đối với các cơ quan, đơn vị cấp huyện: Chọn quy mô đối tượng chi làm tiêu chí cơ bản phân bổ chi ngân sách, cụ thể

- Các đơn vị quản lý hành chính: Chọn tiêu chí biên chế.
- Sự nghiệp giáo dục và đào tạo: Chọn tiêu chí **số lớp**.

1.2. Đối với ngân sách xã, thị trấn: Chọn quy mô về dân số có phân loại theo 04 vùng. Ngoài ra, tùy theo các lĩnh vực chi sẽ có các tiêu chí phân bổ khác bổ sung như quỹ tiền lương, loại xã, số thôn.

Điều 4. Định mức phân bổ

1. Định mức phân bổ chi ngân sách cho các cơ quan, đơn vị cấp huyện

1.1. Định mức phân bổ chi quản lý hành chính, đảng, đoàn thể:

a. Định mức phân bổ theo biên chế:

Đơn vị tính : triệu đồng/người/năm

TT	Nội dung	Định mức
1	Dưới 19 biên chế	32
2	Từ 19 biên chế trở lên	31

a. Phân bổ bổ sung:

- Các đơn vị có các khoản chi cho chuyên môn nghiệp vụ phục vụ nhiệm vụ chung của huyện bao gồm: Văn phòng Huyện ủy, Văn phòng HĐND và UBND huyện khi giao dự toán được tính bổ sung thêm **40%** trên định mức chi quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể của biên chế được giao;

- Các phòng, ban và đoàn thể có lĩnh vực hoạt động mang tính tổng hợp và các hoạt động phong trào bao gồm: Phòng Tài chính – Kế hoạch, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh huyện, Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện, Hội Nông dân huyện khi giao dự toán được tính bổ sung thêm **20%** trên định mức chi quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể;

- Các đơn vị có số biên chế nhỏ hơn 05 tính thêm **10%** trên định mức chi quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể;

- Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chi đặc thù của Khối Đảng thực hiện theo văn bản quy định cơ chế quản lý tài chính, một số chế độ chi đối với các cơ quan của Đảng trên địa bàn tỉnh Gia Lai của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Gia Lai, đảm bảo hợp lý, tiết kiệm phù hợp với khả năng ngân sách, nhiệm vụ của địa

phương;

- Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chi đặc thù theo quy định của cơ quan có thẩm quyền của Hội đồng nhân dân và UBND huyện, Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam huyện sẽ được tính toán cụ thể, đảm bảo nhu cầu chi hợp lý, tiết kiệm, phù hợp với khả năng ngân sách, nhiệm vụ của địa phương và đơn vị để tổng hợp vào dự toán ngân sách hàng năm;

- Hỗ trợ chi hoạt động thường xuyên của lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp; Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập: **vận dụng nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ như đối với lĩnh vực chi quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể.**

c. Định mức phân bổ nêu trên bao gồm

- Các khoản chi hành chính phục vụ hoạt động thường xuyên bộ máy các cơ quan: tiền làm thêm giờ, khen thưởng theo chế độ, phúc lợi tập thể, thông tin liên lạc, công tác phí, chi phí hội nghị, vật tư văn phòng, điện nước, xăng dầu, thanh toán dịch vụ công cộng; chi ứng dụng công nghệ thông tin; vận hành trụ sở cơ quan; chi hỗ trợ hoạt động cho công tác Đảng, Đoàn thể trong cơ quan;

- Các khoản chi nghiệp vụ mang tính thường xuyên phát sinh hàng năm: Chi nghiệp vụ chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực; chi tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn; chi hoạt động, kiểm tra thường xuyên của đơn vị; kinh phí thường xuyên hoạt động tiếp dân, xử lý đơn thư (trừ các cơ quan, đơn vị thực hiện nhiệm vụ chuyên trách như: Văn phòng HĐND và UBND và Thanh tra huyện);

- Kinh phí sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và bảo dưỡng thường xuyên các công trình cơ sở hạ tầng; kinh phí mua sắm, thay thế trang thiết bị, phương tiện làm việc của cán bộ, công chức theo quy định.

d. Định mức phân bổ nêu trên không bao gồm

- Tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương tính theo quy định hiện hành của số biên chế được giao (kể cả lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ, Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ và kinh phí nâng lương hàng năm);

- Các khoản chi hoạt động đặc thù của cơ quan đảng, đoàn thể, các phòng, ban: kinh phí đối ứng các dự án, thuê trụ sở;

- Trang phục của toàn ngành theo quy định của trung ương;

- Kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật; tuyên truyền, phổ biến văn bản quy phạm pháp luật.

- Chi mua ô tô, chi mua sắm mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc cho biên chế mới tuyển;

- Kinh phí mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc theo đề án được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

- Chi mua sắm (trong tiêu chuẩn, định mức quy định), bảo dưỡng, sửa chữa trụ sở làm việc, sửa chữa tài sản cố định có giá trị (của một hoặc một nhóm không thể tách rời) vượt quá khả năng kinh phí được bố trí hằng năm (trên 5% tổng số kinh phí quản lý hành chính được phân bổ);

- Kinh phí hỗ trợ để khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức đào tạo sau đại học;

- Chi tổ chức Đại hội (theo nhiệm kỳ); các hội nghị ngành có quy mô tổ chức lớn theo chỉ đạo của tỉnh;

- Chi hoạt động của các Ban chỉ đạo, Tổ (Đoàn) công tác liên ngành, thanh tra chuyên ngành;

- Các khoản chi đặc thù theo quy định của cơ quan có thẩm quyền; Các nhiệm vụ đặc thù phát sinh không thường xuyên khác được cơ quan có thẩm quyền quyết định.

đ. Nội dung khác: Về chỉ tiêu biên chế: Được xác định trên cơ sở quyết định giao chỉ tiêu biên chế hàng năm của Ủy ban nhân dân huyện và Huyện ủy (kể cả biên chế dự bị và Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ, Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ).

1.2. Đối với các tổ chức chính trị, xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp

Trường hợp được cấp có thẩm quyền giao biên chế: thực hiện khoán kinh phí theo số biên chế được cấp có thẩm quyền giao trên cơ sở vận dụng nguyên tắc bố trí chi thường xuyên NSNN lĩnh vực quản lý nhà nước và thực hiện hỗ trợ cho các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao. Cụ thể, **phân bổ 22 triệu đồng/ chỉ tiêu người làm việc được giao**.

Đối với các hội quần chúng khác bảo đảm nguyên tắc tự nguyện, tự quản, tự bảo đảm kinh phí, hoạt động theo điều lệ và tuân thủ pháp luật; NSNN hỗ trợ cho các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao.

1.3. Định mức phân bổ chi sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo

1.3.1. Định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục

Đơn vị tính: ngàn đồng/lớp/năm

STT	Loại hình - Qui mô trường	Phân bổ chi năm 2022
1	Từ 10 lớp trở xuống	28.000
2	Từ 11 đến 20 lớp	25.000

3	Từ 21 đến 30 lớp	22.000
4	Từ 31 lớp trở lên	20.000

a. Định mức phân bổ nêu trên bao gồm toàn bộ hoạt động sự nghiệp giáo dục đã giao cho đơn vị, kể cả chi nghiệp vụ, chi phụ cấp dạy tăng, dạy thay, mua sắm, sửa chữa thường xuyên trang thiết bị giáo dục.

b. Định mức phân bổ nêu trên không bao gồm

- Tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương tính theo quy định hiện hành của số biên chế được giao (kể cả lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ, Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ và kinh phí nâng lương hàng năm);

- Chính sách phát triển giáo dục mầm non theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ; chính sách giáo dục đối với người khuyết tật theo quy định tại Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 của liên Bộ: Giáo dục & Đào tạo - Lao động Thương binh & Xã hội - Tài chính; hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục Đại học theo Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ; kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ; kinh phí thực hiện chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp theo Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; Nghị định 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh; hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định tại 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ cho các trường do cấp huyện quản lý;

- Các khoản chi mang tính chất riêng biệt phát sinh thường xuyên hoặc không thường xuyên của ngành theo quy định của cấp có thẩm quyền.

c. Phân bổ bổ sung:

- Các lớp thuộc Trường THCS Dân tộc Nội trú tính thêm **100% định mức phân bổ theo số lớp, các** Trường PT dân tộc bán trú TH và THCS tính thêm **15% định mức phân bổ** tương ứng với số lớp của từng trường.

- Các trường thuộc vùng đặc biệt khó khăn (trừ trường bán trú) tính thêm 1.000.000 đồng/lớp/năm.

- Các trường được giao người làm việc theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ, Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018, hỗ trợ thêm chi thường xuyên **60 triệu đồng/người/năm**.

1.3.2. Định mức phân bổ các đơn vị đào tạo

- Định mức phân bổ chi thường xuyên của Trung tâm chính trị và Trung tâm GDNN-GDTX áp dụng nguyên tắc phân bổ theo biên chế, cụ thể:

Đơn vị tính: triệu đồng/biên chế/năm

STT	Đơn vị	Phân bổ năm 2022
1	Trung tâm chính trị huyện	32
2	Trung tâm GDNN-GDTX huyện	22

- Định mức phân bổ nêu trên bao gồm toàn bộ hoạt động sự nghiệp đào tạo đã giao cho đơn vị, kể cả chi nghiệp vụ, chi phụ cấp dạy tăng, dạy thay, mua sắm, sửa chữa thường xuyên trang thiết bị giáo dục.

1.3.3. Định mức phân bổ khác

- Định mức phân bổ kinh phí tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ trường lớp học tính tối đa **10%** tổng kinh phí sự nghiệp giáo dục và đào tạo tỉnh giao.

- Định mức phân bổ các phong trào chuyên môn hoạt động chung ngành giáo dục tính tối đa **02%** tổng kinh phí sự nghiệp giáo dục và đào tạo tỉnh giao.

- Thiết lập quỹ khen thưởng ngành giáo dục tối đa **0,5%** tổng kinh phí sự nghiệp giáo dục và đào tạo tỉnh giao.

1.4. Định mức phân bổ chi đảm bảo xã hội

Hàng năm, căn cứ vào tình hình thực tế sẽ tính toán mức phân bổ kinh phí cho phù hợp và tổng hợp vào phương án phân bổ ngân sách trình Hội đồng nhân dân huyện.

Hàng năm nếu được ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện chi công tác đảm bảo xã hội sẽ bố trí theo số tinh giao.

1.5. Định mức phân bổ chi sự nghiệp văn hóa thông tin, thể dục thể thao và phát thanh truyền hình

a. Định mức phân bổ chi thường xuyên của Trung tâm Văn hóa Thông tin và Thể thao huyện: 22 triệu đồng/biên chế/năm.

Định mức phân bổ nêu trên không bao gồm: Tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương tính theo quy định hiện hành của số biên chế được giao và kinh phí nâng lương hàng năm.

b. Định mức phân bổ các hoạt động văn hóa thông tin, thể dục thể thao và phát thanh truyền hình

Hàng năm, căn cứ vào tình hình thực tế sẽ tính toán mức phân bổ chi tiết cho phù hợp và tổng hợp vào phương án phân bổ ngân sách trình Hội đồng nhân dân huyện.

1.6. Định mức phân bổ chi quốc phòng - an ninh

Căn cứ nhiệm vụ đảm bảo quốc phòng, an ninh, nhu cầu kinh phí thực hiện các chính sách, chế độ do ngân sách cấp huyện đảm bảo theo phân cấp và nhiệm vụ đặc thù được cấp có thẩm quyền giao cho Công an huyện, Ban Chỉ huy Quân sự huyện thực hiện.

1.7. Phân bổ chi sự nghiệp kinh tế

1.7.1. Sự nghiệp nông nghiệp

a. Định mức phân bổ chi thường xuyên của Trung tâm dịch vụ nông nghiệp: **22 triệu đồng/biên chế/năm.**

Định mức phân bổ nêu trên không bao gồm: Tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương tính theo quy định hiện hành của số biên chế được giao và kinh phí nâng lương hằng năm.

b. Định mức phân bổ hoạt động nông nghiệp

Hàng năm, căn cứ vào tình hình thực tế sẽ tính toán mức phân bổ chi tiết cho phù hợp và tổng hợp vào phương án phân bổ ngân sách trình Hội đồng nhân dân huyện.

1.7.2. Sự nghiệp giao thông

- Kinh phí thực hiện sửa chữa, duy tu các tuyến đường giao thông **tối thiểu 2.000 triệu đồng/năm.**

1.7.3. Sự nghiệp thủy lợi

Hàng năm, căn cứ vào tình hình thực tế sẽ tính toán mức phân bổ chi tiết cho phù hợp và tổng hợp vào phương án phân bổ ngân sách trình Hội đồng nhân dân huyện.

1.7.4. Sự nghiệp kiến thiết thị chính

Thực hiện duy tu, bảo dưỡng hệ thống đèn chiếu sáng, vỉa hè, hệ thống thoát nước, giao thông nội thị, công viên, cây xanh, vệ sinh đô thị và các sự nghiệp thị chính khác. Hàng năm, căn cứ vào tình hình thực tế sẽ tính toán phân bổ chi tiết cho các hoạt động trong khả năng cân đối của ngân sách cấp huyện và tổng hợp vào phương án phân bổ ngân sách trình Hội đồng nhân dân huyện.

1.7.5. Các hoạt động kinh tế khác

Hàng năm, căn cứ vào tình hình thực tế sẽ tính toán phân bổ chi tiết cho các hoạt động trong khả năng cân đối của ngân sách cấp huyện và tổng hợp vào phương án phân bổ ngân sách trình Hội đồng nhân dân huyện.

1.8. Phân bổ chi sự nghiệp khoa học và công nghệ

Định mức phân bổ chi sự nghiệp khoa học và công nghệ **440 triệu đồng.**

1.9. Các lĩnh vực khác

Hàng năm căn cứ vào nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao để tính toán mức phân bổ kinh phí cho phù hợp và tổng hợp vào phương án phân bổ ngân sách trình Hội đồng nhân dân huyện.

1.10. Trích lập quỹ khen thưởng cấp huyện

Định mức trích lập, phân bổ Quỹ khen thưởng cấp huyện tính bằng 01% tổng chi ngân sách thường xuyên cấp huyện (trừ số phân bổ tại mục 1.3).

1.11. Chi dự phòng ngân sách

Định mức phân bổ chi dự phòng ngân sách bằng **02%** tổng chi thường xuyên và chi đầu tư XDCB tập trung được tính phân bổ.

2. Định mức phân bổ chi ngân sách cấp xã

2.1. Định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề

Phân bổ theo dân số:

Đơn vị tính: đồng/người dân/năm

Phân theo vùng	Định mức phân bổ năm 2022
Vùng đô thị	12.320
Vùng còn lại	14.160
Vùng khó khăn	16.010
Vùng ĐBKK	20.940

Định mức nêu trên bao gồm toàn bộ các hoạt động lĩnh vực giáo dục, đào tạo và dạy nghề đã phân cấp cho cấp xã (Hoạt động của Trung tâm giáo dục cộng đồng, Hỗ trợ các hoạt động giáo dục (Nhà trẻ, mẫu giáo, bồi dưỡng văn hóa, xóa mù chữ và phổ cập giáo dục....), kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã.

2.2. Định mức phân bổ chi sự nghiệp văn hóa - thông tin

- Phân bổ theo dân số:

Đơn vị tính: đồng/người dân/năm

Phân theo vùng	Định mức phân bổ năm 2022
Vùng đô thị	3.630
Vùng còn lại	4.350
Vùng khó khăn	5.080
Vùng ĐBKK	6.890

- Phân bổ bổ sung kinh phí hỗ trợ UMTTQ Việt Nam cấp xã và Ban Công tác mặt trận ở khu dân cư;

- Định mức phân bổ nêu trên đã bao gồm: Toàn bộ kinh phí hoạt động sự nghiệp văn hóa thông tin đã phân cấp cho cấp xã; Kinh phí thực hiện chế độ thông tin, tuyên truyền; Kinh phí thực hiện các chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa, truyền thanh xã; Kinh phí thực hiện Cuộc vận động “toute dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”.

2.3. Định mức phân bổ chi sự nghiệp thể dục - thể thao

- Phân bổ theo dân số:

Đơn vị tính: đồng/người dân/năm

Phân theo vùng	Định mức phân bổ năm 2022
Vùng đô thị	3.170
Vùng còn lại	3.800
Vùng khó khăn	4.430

Vùng ĐBK	6.020
----------	-------

- Định mức phân bổ nêu trên đã bao gồm: Toàn bộ kinh phí hoạt động thể dục thể thao đã phân cấp cho cấp xã (kể cả kinh phí tổ chức đại hội TDTT cấp xã; kinh phí tham gia đại hội TDTT cấp huyện).

2.4. Định mức phân bổ chi sự nghiệp phát thanh truyền hình

- Phân bổ theo dân số:

Đơn vị tính: đồng/người dân/năm

Phân theo vùng	Định mức phân bổ năm 2022 (1)
Vùng đô thị	2.828
Vùng còn lại	3.394
Vùng khó khăn	3.960
Vùng ĐBK	5.374

(1) Tính bằng 20% định mức phân bổ của cấp huyện.

- Định mức phân bổ nêu trên đã bao gồm: Toàn bộ kinh phí hoạt động phát thanh truyền hình đã phân cấp cho cấp xã.

2.5. Định mức phân bổ chi đảm bảo xã hội

- Phân bổ theo dân số:

Đơn vị tính: đồng/người dân/năm

Phân theo vùng	Định mức phân bổ năm 2022
Vùng đô thị	3.580
Vùng còn lại	4.290
Vùng khó khăn	5.010
Vùng ĐBK	6.800

- Phân bổ bổ sung kinh phí thực hiện chế độ đối với cán bộ xã nghỉ việc hưởng trợ cấp hàng tháng, cụ thể:

Đơn vị tính: ngàn đồng/người/năm

Đối tượng	Định mức phân bổ năm 2022
Nguyên Bí thư, Chủ tịch	25.392
Nguyên Phó Bí thư, Phó Chủ tịch, Thường trực Đảng ủy, ủy viên thư ký UBND, thư ký HĐND, xã Đội trưởng	24.576
Các chức danh còn lại	22.752

Định mức phân bổ nêu trên đã bao gồm toàn bộ các hoạt động đảm bảo xã hội phân cấp cho xã, bao gồm: Kinh phí hỗ trợ các đối tượng chính sách; cứu đói, cứu trợ, cứu tế xã hội thường xuyên và đột xuất; trợ cấp hàng tháng cho cán bộ nghỉ việc trước năm 1998.

2.6. Định mức phân bổ sự nghiệp y tế

Đơn vị tính: ngàn đồng/thôn/năm

Phân theo vùng	Định mức phân bổ năm 2022
Xã thuộc vùng ĐBKK	8.940
Các xã còn lại	5.364

Định mức phân bổ trên để hỗ trợ đội ngũ y tế thôn bản, mỗi thôn hỗ trợ 01 người.

2.7. Định mức phân bổ chi quốc phòng, an ninh

a. Định mức phân bổ chi quốc phòng

- Phân bổ theo dân số:

Đơn vị tính: đồng/người dân/năm

Phân theo vùng	Định mức phân bổ năm 2022
Vùng đô thị	19.280
Vùng còn lại	19.280
Vùng khó khăn	28.920
Vùng ĐBKK	32.770

- Phân bổ bổ sung: Tính thêm 11.085.000 đồng/thôn/năm.

- Định mức phân bổ trên bao gồm toàn bộ hoạt động chi quốc phòng đã phân cấp cho xã, thị trấn kể cả phụ cấp của lực lượng dân quân tự vệ theo Luật dân quân tự vệ, huấn luyện lực lượng dân quân tự vệ, diễn tập.

- Hàng năm, nếu ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu và khả năng cân đối của ngân sách cấp huyện, UBND huyện sẽ xem xét, hỗ trợ thêm cho các xã, thị trấn diễn tập.

b. Định mức phân bổ chi an ninh, trật tự

- Phân bổ theo dân số:

Đơn vị tính: đồng/người dân/năm

Phân theo vùng	Định mức phân bổ năm 2022
Vùng đô thị	7.950
Vùng còn lại	6.360
Vùng khó khăn	9.540
Vùng ĐBKK	10.810

- Phân bổ bổ sung kinh phí phụ cấp công an viên với định mức 20.562.000 đồng/người/năm và Kinh phí Ban bảo vệ dân phố của Thị trấn Chư Sê 429.120.000 đồng/năm.

- Định mức phân bổ trên bao gồm toàn bộ hoạt động chi về an ninh trật tự an toàn xã hội đã phân cấp cho cấp xã, thị trấn theo quy định của pháp luật kể cả kinh phí trực, trang bị công cụ, dụng cụ...

2.8. Định mức phân bổ chi quản lý hành chính

a. Phân bổ theo chỉ tiêu biên chế được duyệt

Tiền lương, phụ cấp (không kể phụ cấp làm đêm, thêm giờ), các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn) của số cán bộ, công chức trong chỉ tiêu biên chế được duyệt.

b. Phân bổ theo đơn vị hành chính cấp xã: **800 triệu đồng/xã/năm.**

Định mức phân bổ nêu trên đã bao gồm kinh phí hoạt động của Hội đồng nhân dân, chi thường xuyên cho các bộ công chức cấp xã, Kinh phí tặng quà cho người cao tuổi theo nghị quyết 109/2019/NQ-HĐND tỉnh ngày 10/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai; kinh phí hỗ trợ hoạt động công tác đảng theo Quyết định số 99-QĐ/TW; Kinh phí hỗ trợ cán bộ tăng cường; kinh phí hoạt động của Ban thanh tra nhân dân; kinh phí hòa giải; kinh phí tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật; Kinh phí hoạt động cho chi hội thuộc các tổ chức chính trị - xã hội ở thôn, làng, xã đặc biệt khó khăn và toàn bộ kinh phí chi hoạt động quản lý hành chính đã phân cấp cho xã.

c. Phân bổ bổ sung

+ Các năm 2022 và 2024 phân bổ thêm kinh phí trang phục của Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã với mức **5.000.000 đồng/đại biểu.**

+ Kinh phí phụ cấp hàng tháng cho người hoạt động không chuyên trách cấp xã; kinh phí phụ cấp hàng tháng đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố; kinh phí bồi dưỡng hàng tháng đối với người trực tiếp tham gia công việc ở thôn; Kinh phí khoán kinh phí hoạt động hàng tháng của các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã; Phụ cấp Đại biểu HĐND xã; Phụ cấp cấp ủy;

2.9. Định mức phân bổ chi hoạt động kinh tế

a. Phân bổ tỷ trọng (bằng 03%) tổng các khoản chi thường xuyên theo định mức từ mục 2.1 đến mục 2.8.

Định mức phân bổ nêu trên đã bao gồm toàn bộ kinh phí chi hoạt động sự nghiệp kinh tế đã phân cấp cho xã.

b. Phân bổ bổ sung

- Bổ sung cho hai xã Ayun và H'Bông để hỗ trợ nước sinh hoạt, cụ thể xã Ayun 109 triệu đồng, xã H'Bông 127,126 triệu đồng.

- Bổ sung cho hai xã Al Bá và Bờ Ngoong để hỗ trợ công tác thu gom và xử lý rác thải, xã Al bá 144 triệu đồng, xã Bờ Ngoong 100 triệu đồng.

- Bổ sung cho các xã, thị trấn để hỗ trợ công tác an toàn giao thông, đảm bảo an ninh trật tự.

2.10. Định mức phân bổ chi dự phòng ngân sách: Tính bằng 2% tổng chi cân đối ngân sách địa phương.

3. Trong thời kỳ ồn định ngân sách 2022-2025 nếu tăng, giảm nhiệm vụ, biên chế sẽ được bổ sung, giảm kinh phí, cụ thể như sau:

Trong thời kỳ ồn định ngân sách, nếu bổ sung thêm nhiệm vụ chi, định mức chi, khi nào tỉnh bổ sung cho huyện, thì huyện mới bổ sung cho các cơ quan, đơn vị và UBND các xã, thị trấn. Thực hiện tiết kiệm chi thường xuyên hàng năm theo quy định của trung ương, tỉnh.

Điều 5. Giao ủy ban nhân dân huyện trình Hội đồng nhân dân huyện

- Từ năm 2023 đến năm 2025: Đối với lĩnh vực chi thuộc ngân sách cấp huyện như: Quản lý hành chính, sự nghiệp y tế, sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề, sự nghiệp khoa học được điều chỉnh tăng thêm hàng năm, do ủy ban nhân dân huyện trình Hội đồng nhân dân huyện quyết định phù hợp với yêu cầu thực hiện và khả năng cân đối của ngân sách cấp huyện.

- Từ năm 2023 đến năm 2025: Tăng thêm số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp huyện cho ngân sách cấp xã, thị trấn so với năm đầu thời kỳ ngân sách và hỗ trợ cho các địa phương trong trường hợp có phát sinh nhiệm vụ đặc biệt về an ninh, quốc phòng theo khả năng cân đối của ngân sách cấp huyện và có bổ sung từ ngân sách cấp trên.